

KẾT QUẢ KIỂM TRA XÁC NHẬN NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẠC 5 (TƯƠNG ĐƯƠNG C1 THEO CEFR)

(Kỳ kiểm tra lần thứ 02, ngày 29/5/2022)

(Ban hành theo Quyết định số ngày tháng năm 2022)

Stt	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng			
1	VHU.TAC1.02.001	171A140151	Trương Thị Hồng	Anh	13/12/1998	Tp. Hồ Chí Minh	5.0	2.0	2.0	1.5	10.5	2.6	Rốt	
2	VHU.TAC1.02.002	151A140766	Phạm Thị Vân	Anh	05/01/1997	Hải Dương	5.0	2.0	2.5	2.5	12.0	3.0	Rốt	
3	VHU.TAC1.02.003	161A140310	Phạm Công	Danh	05/3/1997	Tp. Hồ Chí Minh					0.0	0.0	Rốt	Vắng
4	VHU.TAC1.02.004	151A140636	Nguyễn	Daniel	25/11/1997	Đức	4.5	7.0	5.5	6.0	23.0	5.8	Đậu	
5	VHU.TAC1.02.005	151A140039	Lục Tuấn	Đạt	11/09/1997	Tp. Hồ Chí Minh	8.0	2.5	5.5	5.5	21.5	5.4	Rốt	
6	VHU.TAC1.02.006	181A140473	Nguyễn Minh	Đức	18/11/2000	Kiên Giang	6.0	3.0	2.5	3.0	14.5	3.6	Rốt	
7	VHU.TAC1.02.007	181A030120	Trần Châu Thùy	Dung	17/01/2000	Tp. Hồ Chí Minh	4.5	7.5	6.5	5.0	23.5	5.9	Đậu	
8	VHU.TAC1.02.008	181A140052	Trương Việt	Dũng	17/2/2000	Tây Ninh	6.5	7.5	7.0	4.5	25.5	6.4	Đậu	
9	VHU.TAC1.02.009	181A140273	Nguyễn Ánh	Dương	03/5/1999	Tp. Hồ Chí Minh	7.0	7.0	7.5	5.0	26.5	6.6	Đậu	
10	VHU.TAC1.02.010	181A140317	Trương Mỹ	Hân	24/09/2000	Bến Tre	5.0	6.5	5.5	7.0	24.0	6.0	Đậu	
11	VHU.TAC1.02.011	151A140184	Phan Lê Thúy	Hằng	15/05/1997	Tp. Hồ Chí Minh					0.0	0.0	Rốt	Vắng
12	VHU.TAC1.02.012	181A140315	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	12/11/1999	Tp. Hồ Chí Minh	5.0	5.5	3.0	6.0	19.5	4.9	Rốt	
13	VHU.TAC1.02.013	171A140354	Nguyễn Thị	Hạnh	27/11/1999	Lâm Đồng	5.0	6.5	4.5	5.5	21.5	5.4	Đậu	
14	VHU.TAC1.02.014	151A140186	Trần Thanh	Hiếu	09/6/1997	Kiên Giang	6.5	5.5	5.5	3.5	21.0	5.3	Đậu	BL: Nói: 6.5, Đọc: 5.5
15	VHU.TAC1.02.015	151A140805	Phạm Thị Thanh	Hoa	26/06/1997	Tp. Hồ Chí Minh	6.0	2.0	2.5	4.5	15.0	3.8	Rốt	
16	VHU.TAC1.02.016	161A140214	Lê Thị Ngọc	Hòa	05/3/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6.5	6.0	6.0	5.0	23.5	5.9	Đậu	
17	VHU.TAC1.02.017	181A140141	Nguyễn Thị Cẩm	Hồng	04/9/2000	Long An	5.0	2.5	1.0	2.0	10.5	2.6	Rốt	
18	VHU.TAC1.02.018	161A140378	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	01/01/1998	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.0	7.5	5.0	6.5	26.0	6.5	Đậu	
19	VHU.TAC1.02.019	171A140171	Lê Thị Bích	Huyền	09/11/1999	Tp. Hồ Chí Minh	6.0	3.5	4.5	4.0	18.0	4.5	Rốt	
20	VHU.TAC1.02.020	181A140050	Nguyễn Phan Tiểu	Khang	22/04/2000	Hậu Giang	7.0	7.0	6.0	5.0	25.0	6.3	Đậu	
21	VHU.TAC1.02.021	171A140307	Nguyễn Việt	Khoa	16/02/1995	Tp. Hồ Chí Minh	6.0	3.5	2.5	2.5	14.5	3.6	Rốt	
22	VHU.TAC1.02.022	151A140195	Phạm Anh	Kiệt	10/05/1997	Long An	0.0	6.0	4.0	1.5	11.5	2.9	Rốt	
23	VHU.TAC1.02.023	181A110003	Bùi Thị Thanh	Kiều	29/12/1999	Đồng Nai					0.0	0.0	Rốt	Vắng
24	VHU.TAC1.02.024	161A140547	Phạm Tường Mỹ	Kim	24/08/1998	Tp. Hồ Chí Minh	8.0	7.5	6.0	6.5	28.0	7.0	Đậu	
25	VHU.TAC1.02.025	191A140293	Lê Thị Hoàng	Lan	01/05/1991	Tp. Hồ Chí Minh	7.0	7.0	6.5	7.5	28.0	7.0	Đậu	
26	VHU.TAC1.02.026	181A140114	Phan Thị Mỹ	Lệ	08/08/2000	Ninh Thuận	4.0	0.5	2.0	0.5	7.0	1.8	Rốt	
27	VHU.TAC1.02.027	142A580039	Nguyễn Thị Ngọc	Lệ	29/07/1995	Bến Tre					0.0	0.0	Rốt	Vắng
28	VHU.TAC1.02.028	208A140006	Quách Trọng	Liêm	08/06/1985	Kiên Giang	7.0	3.5	2.0	2.5	15.0	3.8	Rốt	

Stt	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng			
29	VHU.TAC1.02.029	181A140427	Phan Kim	Liên	28/03/2000	Bình Định	5.5	5.0	7.0	4.0	21.5	5.4	Đậu	
30	VHU.TAC1.02.030	181A140053	Uông Văn Khánh	Lộc	04/11/2000	Tây Ninh	6.0	7.5	5.0	5.0	23.5	5.9	Đậu	
31	VHU.TAC1.02.031	171A140169	Lê Hoàng	Lộc	02/06/1999	Đồng Tháp					0.0	0.0	Rớt	Vắng
32	VHU.TAC1.02.032	181A140215	Đỗ Thành	Long	23/06/2000	Hải Phòng	6.5	5.5	3.5	3.0	18.5	4.6	Rớt	
33	VHU.TAC1.02.033	131A140119	Trương Thị Trúc	Ly	10/01/1994	Quảng Nam	6.0	0.0	0.0	8.5	14.5	3.6	Rớt	BL: Nói: 6.0, Viết: 8.5/Vắng
34	VHU.TAC1.02.034	161A140458	Nguyễn Phạm Sao	Mai	16/4/1998	Tp. Hồ Chí Minh	5.0	3.0	4.0	4.5	16.5	4.1	Rớt	
35	VHU.TAC1.02.035	181A140175	Phạm Thị Phương	Mai	25/10/2000	Gia Lai	5.5	9.0	6.5	0.5	21.5	5.4	Rớt	
36	VHU.TAC1.02.036	181A140297	Trần Hồng Thu	Minh	12/6/2000	Tp. Hồ Chí Minh	6.5	9.0	5.5	5.5	26.5	6.6	Đậu	
37	VHU.TAC1.02.037	161A140319	Nguyễn Thị Cẩm	My	28/08/1998	Cà Mau	5.0	2.0	2.5	1.5	11.0	2.8	Rớt	
38	VHU.TAC1.02.038	181A140272	Đỗ Ngọc	My	06/06/2000	Tỉnh Sóc Trăng	6.0	6.5	7.0	5.5	25.0	6.3	Đậu	
39	VHU.TAC1.02.039	181A140289	Đoàn Lê Hà	My	27/04/2000	Đồng Nai	6.0	6.5	7.0	5.5	25.0	6.3	Đậu	
40	VHU.TAC1.02.040	181A140534	Nguyễn Thái	Mỹ	29/07/1999	Trà Vinh	4.0	2.5	3.5	4.5	14.5	3.6	Rớt	
41	VHU.TAC1.02.041	161A010145	Đồng Đăng	Nam	27/12/1998	Tp. Hồ Chí Minh					0.0	0.0	Rớt	Vắng
42	VHU.TAC1.02.042	201A140093	Lưu Hoàng	Nga	09/02/1999	Đồng Nai	6.5	5.5	4.0	4.0	20.0	5.0	Đậu	
43	VHU.TAC1.02.043	161A140200	Trần Thị Kim	Ngân	30/6/1998	Đồng Tháp	5.5	6.0	6.0	6.5	24.0	6.0	Đậu	
44	VHU.TAC1.02.044	181A140224	Lê Thị Thanh	Ngân	23/07/2000	Đồng Nai	7.0	6.5	5.0	7.0	25.5	6.4	Đậu	
45	VHU.TAC1.02.045	171A140314	Trương Thị Kim	Ngân	09/05/1999	Tp. Hồ Chí Minh	7.0	4.5	4.0	6.0	21.5	5.4	Đậu	
46	VHU.TAC1.02.046	161A140505	Huỳnh Thị Tuyết	Ngân	02/01/1998	Tiền Giang	6.0	6.0	5.5	4.5	22.0	5.5	Đậu	
47	VHU.TAC1.02.047	161A140279	Nguyễn Thị Thu	Ngân	02/09/1998	Bình Định	4.0	8.5	9.5	6.0	28.0	7.0	Đậu	
48	VHU.TAC1.02.048	151A140632	Phạm Thị Xuân	Ngọc	12/10/1997	Tp. Hồ Chí Minh	6.5	5.0	8.0	4.5	24.0	6.0	Đậu	
49	VHU.TAC1.02.049	171A140271	Hồ Thị Thảo	Nguyên	12/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	7.5	7.5	6.0	6.0	27.0	6.8	Đậu	
50	VHU.TAC1.02.050	181A140077	Lê Trung	Nguyên	08/05/2000	Tp. Hồ Chí Minh	6.0	7.0	9.0	6.5	28.5	7.1	Đậu	
51	VHU.TAC1.02.051	181A140464	Phạm Lê Khánh	Nhã	16/03/2000	Bến Tre	5.0	5.5	8.0	4.5	23.0	5.8	Đậu	
52	VHU.TAC1.02.052	151A140551	Nguyễn Thị	Nhàn	25/02/1997	Hà Tĩnh	8.0	5.5	7.0	4.0	24.5	6.1	Đậu	
53	VHU.TAC1.02.053	151A140741	Trần Thi Yến	Nhi	12/10/1997	Long An	4.5	9.0	7.0	1.0	21.5	5.4	Rớt	
54	VHU.TAC1.02.054	171A140347	Phan Lan	Nhi	14/05/1999	Tây Ninh	5.0	6.5	5.5	5.5	22.5	5.6	Đậu	
55	VHU.TAC1.02.055	171A140246	Lý Hương	Nhi	30/01/1999	Tiền Giang	7.0	7.5	5.5	5.0	25.0	6.3	Đậu	
56	VHU.TAC1.02.056	171A140212	Nguyễn Ngọc Khánh	Nhi	05/12/1999	Long An	4.5	3.5	2.5	4.0	14.5	3.6	Rớt	
57	VHU.TAC1.02.057	161A150201	Trần Thị Hồng	Nhung	05/3/1998	Đồng Tháp	7.0	7.5	6.0	6.0	26.5	6.6	Đậu	
58	VHU.TAC1.02.058	151A140481	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	25/3/1997	Bình Dương	7.5	8.5	5.5	4.0	25.5	6.4	Đậu	
59	VHU.TAC1.02.059	161A140231	Võ Thị Hồng	Nhung	21/02/1998	An Giang	4.5	9.0	9.0	7.0	29.5	7.4	Đậu	
60	VHU.TAC1.02.060	181A140154	Đặng Lâm Thúy	Nhuy	10/07/2000	Bình Thuận	5.0	6.5	6.5	2.0	20.0	5.0	Rớt	
61	VHU.TAC1.02.061	208A140002	Châu A	Phí	26/8/1976	Đồng Nai					0.0	0.0	Rớt	Vắng

Stt	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng			
62	VHU.TAC1.02.062	171A140071	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	22/05/1999	Bình Thuận	6.0	6.0	8.5	5.0	25.5	6.4	Đậu	
63	VHU.TAC1.02.063	151A030600	Lưu Quý	Phụng	14/03/1997	Tp. Hồ Chí Minh	3.5	6.5	9.5	6.0	25.5	6.4	Đậu	
64	VHU.TAC1.02.064	181A140074	Đặng Kiều	Phụng	20/11/2000	Tp. Hồ Chí Minh	7.5	8.5	9.5	6.0	31.5	7.9	Đậu	
65	VHU.TAC1.02.065	181A140223	Hồ Ngọc	Phương	07/05/2000	Đồng Nai	6.0	5.0	5.5	7.5	24.0	6.0	Đậu	
66	VHU.TAC1.02.066	181A140340	Phạm Minh	Quân	21/10/2000	Tp. Hồ Chí Minh	7.5	8.0	6.0	7.0	28.5	7.1	Đậu	
67	VHU.TAC1.02.067	161A140441	Hà Hoàng	Quân	17/12/1998	Tp. Hồ Chí Minh	5.5	4.0	5.0	4.5	19.0	4.8	Rớt	
68	VHU.TAC1.02.068	181A140179	Trịnh Thục	Quyên	5/11/2000	Tp. Hồ Chí Minh					0.0	0.0	Rớt	Vắng
69	VHU.TAC1.02.069	151A140482	Trần Thị Ngọc	Quyên	16/12/1997	Bình Định	4.0	4.0	3.5	1.0	12.5	3.1	Rớt	
70	VHU.TAC1.02.070	171A140290	Hùng Ngọc Như	Quỳnh	03/08/1999	Tp. Hồ Chí Minh	8.0	8.0	7.0	9.0	32.0	8.0	Đậu	
71	VHU.TAC1.02.071	151A030598	Lê Thị Liễu	Quỳnh	06/11/1996	Tp. Hồ Chí Minh	6.0	6.5	10.0	5.5	28.0	7.0	Đậu	
72	VHU.TAC1.02.072	141A140107	Nguyễn Thị Bảo	Quỳnh	24/06/1995	Đồng Nai	6.5	6.5	5.0	5.5	23.5	5.9	Đậu	
73	VHU.TAC1.02.073	181A140007	Nguyễn Nhật	Tân	09/10/1996	Tp. Hồ Chí Minh					0.0	0.0	Rớt	Vắng
74	VHU.TAC1.02.074	181A140263	Phạm Hồng	Thái	03/04/2000	Tp. Hồ Chí Minh	8.5	8.5	6.5	7.5	31.0	7.8	Đậu	
75	VHU.TAC1.02.075	132A580013	Lê Thị Ngọc	Thanh	23/4/1995	Tp. Hồ Chí Minh	5.0	4.0	6.5	3.0	18.5	4.6	Rớt	
76	VHU.TAC1.02.076	203A140003	Phan Ngọc Thiên	Thanh	05/09/1995	Bà Rịa - Vũng Tàu	6.5	7.5	6.5	4.5	25.0	6.3	Đậu	
77	VHU.TAC1.02.077	181A140346	Phạm Anh	Thí	31/03/2000	Ninh Thuận	7.0	3.5	8.5	5.0	24.0	6.0	Đậu	
78	VHU.TAC1.02.078	201A140309	Thái Hoàng	Thịnh	11/10/2002	Tây Ninh	6.0	3.0	5.5	2.5	17.0	4.3	Rớt	
79	VHU.TAC1.02.079	161A140082	Trần Minh	Thông	02/03/1998	Cần Thơ	0.0	1.5	3.0	2.5	7.0	1.8	Rớt	
80	VHU.TAC1.02.080	171A140371	Nguyễn Kiều Thiên	Thư	22/06/2022	Lâm Đồng	6.5	4.5	6.5	3.0	20.5	5.1	Đậu	
81	VHU.TAC1.02.081	181A140271	Nguyễn Anh	Thư	10/05/2000	Tiền Giang	4.5	1.0	5.5	3.0	14.0	3.5	Rớt	
82	VHU.TAC1.02.082	181A140364	Lê Anh	Thư	24/10/1999	Cà Mau	6.5	4.5	5.5	3.0	19.5	4.9	Rớt	
83	VHU.TAC1.02.083	181A140108	Hoàng Thị	Thương	01/08/2000	Quảng Bình	5.5	2.0	6.5	2.5	16.5	4.1	Rớt	
84	VHU.TAC1.02.084	161A140176	Đặng Ngọc	Thương	28/07/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6.0	3.5	10.0	6.0	25.5	6.4	Đậu	BL: Đọc: 10.0, Viết: 6.0
85	VHU.TAC1.02.085	161A140474	Vũ Thị	Thủy	06/12/1996	Thái Nguyên	8.0	6.0	6.5	4.5	25.0	6.3	Đậu	
86	VHU.TAC1.02.086	151A140588	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	28/7/1997	Quảng Ngãi	8.5	4.5	6.3	7.5	26.8	6.7	Đậu	BL: Nghe: 8.5, Đọc: 6.3, Viết: 7.5
87	VHU.TAC1.02.087	181A140345	Võ Kim	Tiên	27/10/2000	Bến Tre	6.5	5.5	7.5	3.5	23.0	5.8	Đậu	
88	VHU.TAC1.02.088	171A140253	Trần Ngọc	Trâm	07/11/1999	Tp. Hồ Chí Minh	6.5	5.5	7.5	5.5	25.0	6.3	Đậu	
89	VHU.TAC1.02.089	171A140336	Võ Huyền	Trần	11/01/1999	Tp. Hồ Chí Minh	7.0	5.5	6.5	5.0	24.0	6.0	Đậu	
90	VHU.TAC1.02.090	151A140287	Trần Thị Mai	Trang	30/01/1996	Tp. Hồ Chí Minh	6.5	1.5	5.0	4.5	17.5	4.4	Rớt	
91	VHU.TAC1.02.091	171A140114	Nguyễn Thị Xuân	Trang	27/07/1999	Bến Tre	7.0	6.0	8.0	5.5	26.5	6.6	Đậu	
92	VHU.TAC1.02.092	171A140062	Đặng Thị Tuyết	Trang	10/11/1999	Thanh Hoá	7.5	4.0	7.0	7.0	25.5	6.4	Đậu	
93	VHU.TAC1.02.093	181A140132	Tô Thùy	Trang	06/08/2000	Tp. Hồ Chí Minh	6.0	4.5	5.5	2.5	18.5	4.6	Rớt	

Stt	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng			
94	VHU.TAC1.02.094	181A140532	Vũ Thị Thùy	Trang	16/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	6.5	3.5	7.5	5.0	22.5	5.6	Đậu	
95	VHU.TAC1.02.095	218A140005	Nguyễn Thành	Trí	05/02/1983	Tp. Hồ Chí Minh					0.0	0.0	Rớt	Vắng
96	VHU.TAC1.02.096	161A140046	Lê Diễm	Trình	24/11/1998	Cà Mau	5.0	6.0	4.5	3.5	19.0	4.8	Rớt	
97	VHU.TAC1.02.097	171A140229	Nguyễn Ngọc Kim	Trình	15/7/1999	Tp. Hồ Chí Minh	6.0	4.5	8.5	4.5	23.5	5.9	Đậu	
98	VHU.TAC1.02.098	181A140321	Trần Thị Thanh	Trúc	18/07/2000	Tp. Hồ Chí Minh	6.0	8.0	6.5	6.0	26.5	6.6	Đậu	
99	VHU.TAC1.02.099	171A140195	Ngô Phước	Trường	03/06/1999	Kiên Giang	7.0	7.5	9.0	3.5	27.0	6.8	Đậu	
100	VHU.TAC1.02.100	171A140193	Phan Nguyễn Anh	Tú	27/09/1999	Quảng Nam	6.5	4.5	6.0	4.5	21.5	5.4	Đậu	
101	VHU.TAC1.02.101	181A140413	Lê Anh	Tuấn	10/8/2000	Tp. Hồ Chí Minh	7.0	7.5	8.0	6.5	29.0	7.3	Đậu	
102	VHU.TAC1.02.102	171A140322	Trần Thị Kim	Tuyến	31/12/1999	Bình Thuận	5.5	7.0	7.5	7.0	27.0	6.8	Đậu	
103	VHU.TAC1.02.103	161A140292	Nguyễn Thị Mỹ	Uyên	29/7/1998	Bình Định	6.5	5.0	7.5	4.5	23.5	5.9	Đậu	
104	VHU.TAC1.02.104	171A070212	Biện Ngọc Thuý	Vân	19/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	7.0	3.0	9.0	5.5	24.5	6.1	Đậu	
105	VHU.TAC1.02.105	181A140153	Tô Thị Thuý	Vi	24/10/2000	Kiên Giang	6.0	1.5	3.5	5.0	16.0	4.0	Rớt	
106	VHU.TAC1.02.106	181A140137	Trần Hoàng	Vũ	02/10/2000	Tp. Hồ Chí Minh	7.0	3.5	6.5	5.5	22.5	5.6	Đậu	
107	VHU.TAC1.02.107	171A140338	Nguyễn Trọng Quốc	Vương	06/05/1999	Tp. Hồ Chí Minh	7.0	4.5	7.0	4.0	22.5	5.6	Đậu	
108	VHU.TAC1.02.108	181A140156	Vũ Ngọc Hoàng	Vy	04/09/1999	Tp. Hồ Chí Minh	5.5	6.0	7.5	6.5	25.5	6.4	Đậu	
109	VHU.TAC1.02.109	161A140171	Trần Thanh	Xuân	06/02/1998	Tp. Hồ Chí Minh	5.0	5.5	6.5	7.5	24.5	6.1	Đậu	
110	VHU.TAC1.02.110	171A140194	Huỳnh Thị Kim	Xuân	22/09/1999	Đồng Nai	5.0	2.0	4.0	4.0	15.0	3.8	Rớt	
111	VHU.TAC1.02.111	161A140177	Võ Thị Như	Ý	05/8/1998	Long An	4.5	8.5	6.5	5.0	24.5	6.1	Đậu	
112	VHU.TAC1.02.112	152A580027	Nguyễn Thị Hồng	Yến	19/12/1996	Tp. Hồ Chí Minh	5.5	5.5	7.0	0.5	18.5	4.6	Rớt	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 112
Số thí sinh vắng kiểm tra: 11
Số thí sinh dự kiểm tra: 101
Số thí sinh rớt: 34
Số thí sinh đạt: 67

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. TỪ MINH THIỆN